

Số: /SYT-NVD

Kiên Giang, ngày tháng 11 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương giai đoạn 2023-2025 - Quý III/2024.

Kính gửi:

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế;
- Bệnh viện Bình An; Bệnh xá Công an tỉnh;
- Các nhà thầu trúng thầu.

(Sau đây gọi chung là các đơn vị)

Căn cứ điểm b Khoản 11 Điều 41 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ Y tế về việc Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 4236/QĐ-SYT ngày 15/12/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc generic thuộc kế hoạch cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 đợt 1. (Theo Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3). (Theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-SYT ngày 16/5/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3). (Theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-SYT ngày 27/6/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3). (Theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ các Thỏa thuận khung cung cấp thuốc cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-SYT ngày 06/01/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương;

Thực hiện chế độ báo cáo kết quả đấu thầu, Sở Y tế có nhận báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn năm 2023-2025 đến hết ngày 30/9/2024 của các đơn vị. Sở Y tế đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn 2023-2025 theo các gói thầu như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU THUỐC TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN HẾT 30/9/2024 QUÝ III/2024: *(Bảng tổng hợp tình hình thực hiện đính kèm)*

1. Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (đợt 1)

Giá trị trúng thầu: 182.352.817.031 VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 9.396.217.588 VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 38,59%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 14,47%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 1)*

2. Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) (đợt 2).

Giá trị trúng thầu: 150.663.882.090VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 11.005.470.026VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 34,61%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 8,31%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 2)*

3. Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2).

Giá trị trúng thầu: 17.429.525.375VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 1.072.650.050VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 26,5%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 6,36%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 3)*

4. Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

Giá trị trúng thầu: 12.181.062.370VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 689.465.695VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 24,37%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 5,85%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 4)*

5. Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu (đợt 3).

Giá trị trúng thầu: 302.911.648.910VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 43.224.690.292VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 74,93%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 14,99%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 5)*

6. Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường (đợt 3).

Giá trị trúng thầu: 1.023.753.847.376VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 60.799.028.065VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 37,12%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 5,94%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 6)*

7. Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ (đợt 3).

Giá trị trúng thầu: 95.809.697.210VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến 30/09/2024: 4.522.216.850VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 26,19%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 6,29%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 7)*

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CÁC ĐƠN VỊ LƯU Ý TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Đảm bảo thực hiện kết quả trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn năm 2023-2025 cân đối giữa các nhóm thuốc, đặc biệt có tỉ lệ thực hiện thấp và tồn kho lớn.

2. Các đơn vị có hoạt chất sử dụng trên 120% hoặc dưới 50% số lượng phân bổ theo tiến độ chủ động lập kế hoạch điều tiết và sử dụng thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị và đáp ứng theo quy định về tỉ lệ thực hiện tối thiểu đạt 80%.

3. Trường hợp nhà thầu không đảm bảo cung ứng thuốc gây ảnh hưởng đến điều trị, các đơn vị báo cáo ngay về Sở Y tế. Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp, Sở Y tế sẽ xử lý theo quy định tại Điều 117 – Xử lý tình huống trong đấu thầu của Nghị định 63/2014/NĐ-CP và báo cáo về Cục Quản lý Dược về khả năng cung ứng thuốc của nhà thầu.

4. Đối với gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu (đợt 3) tỷ lệ thực hiện Quý III/2024 là 74,93% cao nhất, tiếp theo gói số 1: Gói thầu thuốc generic (đợt 1) tỷ lệ thực hiện 38,59%, Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường (đợt 3) tỷ lệ thực hiện 37,12%.

5. Đối với thuốc cấp cứu, thuốc giải độc, thuốc hiếm, thuốc kiểm soát đặc biệt, dịch truyền, cơ sở y tế theo dõi bảo đảm thực hiện tối thiểu 50% giá trị của từng phần trong hợp đồng đã ký kết.

6. Các đơn vị chủ động rà soát số liệu, trường hợp có sai sót, báo cáo về Sở Y tế cập nhật số liệu chính xác.

Sở Y tế tỉnh thông báo đến các đơn vị được biết, theo dõi và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Trang thông tin điện tử SYT;
- Trang VPĐT SYT;
- Lưu: VT, NVD, lvminh.

GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Dũng

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU THUỐC TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN TOÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**
(từ ngày 01/7/2024 đến ngày 30/9/2024)

STT	Tên gói thầu	Báo cáo	Giá trị trúng thầu	Theo báo cáo đơn vị			
				Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ
Đợt 1							
1	Gói số 1: Gói thầu thuốc generic-Đợt 1: Quyết định số 4236/SYT-QĐ	Quý 3/2024	182.352.817.031	16.992.050.137	9.396.217.588	38,59%	14,47%
Đợt 2							
2	Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền -Đợt 2: Quyết định số 1330/SYT-QĐ	Quý 3/2024	150.663.882.090	1.507.940.050	11.005.470.026	34,61%	8,31%
3	Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền -Đợt 2: Quyết định số 1331 và 1618/SYT-QĐ	Quý 3/2024	17.429.525.375	36.015.000	1.072.650.050	26,50%	6,36%
4	Gói số 3: Gói thầu dược liệu -Đợt 2: Quyết định số 1332 và 1619/SYT-QĐ	Quý 3/2024	12.181.062.370	23.068.500	689.465.695	24,37%	5,85%
Đợt 3							

STT	Tên gói thầu	Báo cáo	Giá trị trúng thầu	Theo báo cáo đơn vị			
				Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ
5	Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch -Đợt 3: Quyết định số 1333/SYT-QĐ	Quý 3/2024	95.809.697.210	1.500.934.480	4.522.216.850	26,19%	6,29%
6	Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu -Đợt 3: Quyết định số 1465/SYT-QĐ	Quý 3/2024	302.911.648.910	2.166.622.330	43.224.690.292	74,93%	14,99%
7	Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường - Đợt 3: quyết định 1630/SYT-QĐ	Quý 3/2024	1.023.753.847.376		60.799.028.065	37,12%	5,94%

**BẢNG 1: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**

(từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)

Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (đợt 1)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	60.992.978.720	9.173.703.135	4.498.493.710	03/08	59,78%
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034	5.175.437.200	722.087.462	375.645.150	03/08	56,56%
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	91912	311.685.000	73.229.000	38.476.380	03/08	95,57%
4	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	6.155.958.860	315.581.870	216.449.938	03/08	23,05%
5	Bệnh viện Tâm thần	91915	558.940.000	326.508.000	189.000.000	03/08	245,95%
6	Bệnh viện Ung Bướu	BVUB	3.242.960.500	207.602.000	251.466.540	03/08	37,75%
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	195.704.900	18.017.400	4.421.850	03/08	30,58%
8	Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang	98491	884.052.800	65.060.180	5.247.900	03/08	21,21%
9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTKSBT	11.974.000	8.471.000	0	03/08	188,65%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
10	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	7.863.542.680	432.006.010	281.101.570	03/08	24,18%
11	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	8.363.910.140	309.985.240	480.567.500	03/08	25,21%
12	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	3.940.494.096	344.489.920	264.359.500	03/08	41,20%
13	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	1.538.520.060	79.443.730	8.469.440	03/08	15,24%
14	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	10.316.645.400	910.204.000	419.240.950	03/08	34,36%
15	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	2.350.144.000	137.875.800	174.080.540	03/08	35,40%
16	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	6.078.703.345	422.178.140	382.691.560	03/08	35,31%
17	Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải	91012	155.456.680	3.899.200	19.771.960	03/08	40,60%
18	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	3.035.899.900	0	258.763.400	03/08	22,73%
19	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	10.684.848.800	381.902.800	242.390.600	03/08	15,58%
20	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	2.379.267.600	145.840.800	73.147.500	03/08	24,54%
21	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	28.830.540.000	2.097.039.640	631.055.100	03/08	25,23%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
22	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	1.391.238.050	78.296.800	63.133.160	03/08	27,11%
23	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	16.737.305.500	536.691.660	373.270.450	03/08	14,50%
24	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	1.156.608.800	201.936.350	144.972.890	03/08	79,98%
Tổng cộng:			182.352.817.031	16.992.050.137	9.396.217.588		14,47%

**BẢNG 2: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**

(từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)

Gói số 1: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

STT	Tên cơ sở y tế	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	32.892.919.500	684.100.370	1.961.586.600	02/08	33,51%
2	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	11.050.104.000	0	1.581.462.756	02/08	59,63%
3	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	14.224.636.000	0	1.078.647.930	02/08	31,60%
4	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	11.548.801.000	164.541.500	1.151.520.070	02/08	47,48%
5	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	276.546.390	0	0	02/08	0,00%
6	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	15.902.380.000	0	221.792.000	02/08	5,81%
7	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	3.430.578.500	0	406.483.400	02/08	49,37%
8	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	6.274.363.200	0	406.728.300	02/08	27,01%
9	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	3.041.782.000	0	155.770.770	02/08	21,34%
10	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	19.223.324.000	199.799.200	1.292.385.270	02/08	32,34%

STT	Tên cơ sở y tế	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	5.838.396.000	0	701.776.100	02/08	50,08%
12	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	17.864.500.000	219.160.000	896.345.000	02/08	26,02%
13	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	893.700.000	0	200.504.600	02/08	93,48%
14	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	1.178.239.500	51.133.500	453.828.960	02/08	178,57%
15	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	7.023.612.000	189.205.480	496.638.270	02/08	40,69%
Tổng cộng:			150.663.882.090	1.507.940.050	11.005.470.026		8,31%

**BẢNG 3: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**

(từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)

Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	13.052.552.475	36.015.000	986.267.900	02/08	32,63%
2	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	1.210.008.800	0	0	02/08	0,00%
3	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	749.029.800	0	18.773.000	02/08	10,44%
4	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	43.281.000	0	0	02/08	0,00%
5	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	492.371.400	0	0	02/08	0,00%
6	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	455.890.150	0	0	02/08	0,00%
7	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	1.039.718.400	0	8.563.300	02/08	3,43%
8	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	108.014.250	0	0	02/08	0,00%
9	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	278.659.100	0	59.045.850	02/08	88,29%
Tổng cộng:			17.429.525.375	36.015.000	1.072.650.050		6,36%

**BẢNG 4: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024
(từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)**

Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cồn, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	8.102.393.815	23.068.500	676.622.695	02/08	35,98%
2	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	1.291.136.560	0	0	02/08	0,00%
3	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	1.254.936.920	0	0	02/08	0,00%
4	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	60.362.175	0	0	02/08	0,00%
5	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	230.576.840	0	0	02/08	0,00%
6	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	317.499.450	0	0	02/08	0,00%
7	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	792.992.240	0	12.843.000	02/08	6,75%
8	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	131.164.370	0	0	02/08	0,00%
Tổng cộng:			12.181.062.370	23.068.500	689.465.695		5,85%

**BẢNG 5: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
 GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024
 (từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)
 Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu (đợt 3)**

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	149.658.011.168	1.514.690.210	23.565.515.125	01/08	83,79%
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034	11.544.270.200	0	862.268.474	01/08	37,35%
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	91912	2.352.333.650	126.882.000	711.358.380	01/08	178,17%
4	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	15.278.002.928	111.920.000	335.911.100	01/08	14,66%
5	Bệnh viện Tâm thần	91915	3.550.071.600	266.424.300	914.407.820	01/08	166,31%
6	Bệnh viện Ung Bướu	BVUB	10.718.977.150	0	277.479.880	01/08	12,94%
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	340.823.260	255.360	17.111.680	01/08	25,48%
8	Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang	98491	267.040.000	0	16.802.000	01/08	31,46%
9	Chi Cục Dân Số và Kế hoạch hóa gia đình	CCDS	87.480.000	0	0	01/08	0,00%
10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTKSBT	988.218.000	40.498.080	235.437.300	01/08	139,61%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	5.478.617.040	0	371.461.960	01/08	33,90%
12	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	14.608.603.160	7.434.000	326.678.878	01/08	11,44%
13	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	1.247.751.912	0	164.019.965	01/08	65,73%
14	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	1.602.907.280	0	8.493.000	01/08	2,65%
15	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	19.563.823.952	0	7.330.290.588	01/08	187,34%
16	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	3.833.206.400	0	437.827.994	01/08	57,11%
17	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	1.458.798.816	0	288.492.170	01/08	98,88%
18	Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải	91012	127.059.500	0	36.082.410	01/08	141,99%
19	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	4.310.983.110	0	4.785.013.162	01/08	554,98%
20	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	10.341.901.212	95.947.180	727.789.756	01/08	39,83%
21	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	3.338.942.832	0	334.272.750	01/08	50,06%
22	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	16.874.711.000	0	601.690.216	01/08	17,83%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
23	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	1.754.059.600	0	113.870.932	01/08	32,46%
24	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	22.307.362.640	2.571.200	698.239.660	01/08	15,71%
25	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	1.277.692.500	0	64.175.092	01/08	25,11%
Tổng cộng:			302.911.648.910	2.166.622.330	43.224.690.292		14,99%

**BẢNG 6: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**

(từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)

Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường (đợt 3)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	433.179.074.910	0	31.544.192.154	01/08	45,51%
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034	32.466.177.800	0	1.983.299.106	01/08	38,18%
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	91912	6.452.200.100	0	574.371.540	01/08	55,64%
4	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	35.514.046.140	0	945.345.870	01/08	16,64%
5	Bệnh viện Tâm thần	91915	12.597.209.000	0	1.803.445.560	01/08	89,48%
6	Bệnh viện Ung Bướu	BVUB	60.283.619.720	0	2.527.256.225	01/08	26,20%
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	1.535.445.250	0	94.611.060	01/08	38,51%
8	Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang	98491	2.409.070.400	0	106.003.950	01/08	27,50%
9	Chi Cục Dân Số và Kế hoạch hóa gia đình	CCDS	346.401.120	0	0	01/08	0,00%
10	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	51.079.340.200	0	2.306.221.070	01/08	28,22%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	41.180.052.248	0	1.301.151.144	01/08	19,75%
12	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	20.929.743.300	0	1.507.846.862	01/08	45,03%
13	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	6.132.544.320	0	39.221.580	01/08	4,00%
14	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	58.092.978.392	0	3.205.754.030	01/08	34,49%
15	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	25.027.377.100	0	1.912.284.730	01/08	47,75%
16	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	24.761.757.120	0	1.639.045.630	01/08	41,37%
17	Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải	91012	436.827.800	0	78.627.024	01/08	112,50%
18	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	21.200.087.532	0	293.784.460	01/08	8,66%
19	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	68.175.170.496	0	4.199.470.290	01/08	38,50%
20	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	7.262.019.000	0	408.137.220	01/08	35,13%
21	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	54.661.345.680	0	1.532.183.810	01/08	17,52%
22	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	6.562.561.040	0	420.465.426	01/08	40,04%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
23	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	47.175.680.208	0	2.078.651.864	01/08	27,54%
24	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	6.293.118.500	0	297.657.460	01/08	29,56%
Tổng cộng:			1.023.753.847.376	0	60.799.028.065		5,94%

**BẢNG 7: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**

(từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024)

Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ (đợt 3)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	17.716.234.000	0	0	02/08	0,00%
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTKSBT	23.651.051.600	1.133.865.970	1.671.144.050	02/08	49,42%
3	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	1.578.622.600	0	116.874.450	02/08	30,85%
4	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	4.417.371.000	54.474.000	108.948.000	02/08	15,41%
5	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	441.568.000	0	0	02/08	0,00%
6	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	183.817.200	18.916.800	0	02/08	42,88%
7	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	9.865.737.000	0	889.095.000	02/08	37,55%
8	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	797.728.150	0	62.952.000	02/08	32,88%
9	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	3.101.725.320	0	249.764.150	02/08	33,55%
10	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	3.003.678.140	0	59.560.000	02/08	8,26%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/06/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	4.391.741.800	34.074.230	623.027.500	02/08	62,34%
12	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	1.178.047.200	0	105.830.800	02/08	37,43%
13	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	7.435.006.000	95.756.000	337.865.600	02/08	24,30%
14	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	508.368.000	0	58.816.800	02/08	48,21%
15	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	5.721.425.200	0	0	02/08	0,00%
16	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	11.817.576.000	163.847.480	238.338.500	02/08	14,18%
Tổng cộng:			95.809.697.210	1.500.934.480	4.522.216.850		6,29%